| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/8/2025.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuấn.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.
2. Ông Nguyễn Kiên Hiển.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên tòa***: Bà Trương Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – cơ sở 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 443/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HPT ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

NgU đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh U, sinh năm 1981

Địa chỉ: khóm Phú Hưng, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp Phú Hưng, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp).

Bị đơn: Ông Hồ H Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3 (nay là phường Nhiêu Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà U có mặt; ông Đ vắng mặt không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Thanh U và ông Hồ Hải Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2010 cấp ngày 06/4/2010. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là Hồ Hoàng H, sinh ngày 05/12/2012.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh U trình bày:

Bà và ông Hồ Hải Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2010 cấp ngày 06/4/2010. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là Hồ Hoàng H, sinh ngày 05/12/2012.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do không cùng quan điểm trong cuộc sống, quá khác biệt về tính cách cũng như suy nghĩ, trong sinh hoạt thường ngày thường xuyên gây lộn, cãi vả. Từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Hải Đ.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung tên Hồ Hoàng H, sinh ngày 05/12/2012.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung khác: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Hải Đ không tham gia tố tụng trong vụ án dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không tiến hành hòa giải được vì ông Đ không tham gia tố tụng trong vụ án.

*Tại phiên toà sơ thẩm:*

- Bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.
- Ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà U đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông Đ không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà U vì có cơ sở; ông Đ không có lời khai nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét, bà Nguyễn Thị Thanh U và ông Hồ Hải Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2010 cấp ngày 06/4/2010. Nay bà U có yêu cầu ly hôn với ông Đ là thuộc trường hợp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, tại kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nêu rõ: "Đương sự Hồ Hải Đ, sn 1977, có HKTT tại: Lý Chính

Thắng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự không thực tế cư trú tại địa phương, hiện đi đâu địa phương không rõ";

Đồng thời Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Đ theo Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 55/2025/QĐ-TA ngày 20/02/2025 để tìm kiếm ông Đ nhưng không có kết quả.

Xét, ông Đ có nơi cư trú cuối cùng tại Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, Tòa án đã đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Đ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Đ vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà U nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của bà U và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bà U và ông Đ có tự nguyện đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên giữa hai bên sớm phát sinh mâu thuẫn và ông Đ đã bỏ nhà đi cho đến nay. Từ lúc bỏ đi ông Đ không có liên lạc gì với bà U chứng tỏ ông Đ không còn tình nghĩa vợ chồng với bà U nữa.

Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Xét bà U, ông Đ đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ông Đ tự ý bỏ nhà đi thể hiện ông Đ không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà U, ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà U có căn cứ nên được chấp nhận.

"Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[2.2]. Về con chung: Bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồ Hoàng H, sinh ngày 05/12/2012. Tại bản tự khai, trẻ Hồ Hoàng H có trình bày nguyện vọng được sống cùng bà U. Bà U có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và có mức lương thu nhập đảm bảo đáp ứng được các điều kiện để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ H phát triển. Do đó, xét yêu cầu của bà U là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, xét bà U không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Ông Đ được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà U không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Như đã phân tích, xét yêu cầu của bà U và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà U phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh U:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh U được ly hôn với ông Hồ Hải Đ.

2. Về con chung: Giao Hồ Hoàng H, sinh ngày 05/12/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh U trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Hải Đ được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông Hồ Hải Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng: Bà Nguyễn Thị Thanh U phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thanh U đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0040800 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà Nguyễn Thị Thanh U đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thanh U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hồ Hải Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV1;
- Phòng THA dân sự KV1;
- UBND phường Nhiêu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Tuấn**

TAND KHU VỰC 1

MTE250825.TLQDBA
1453